

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 31/2025/DS-ST

Ngày: 14/01/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

2. Ông Trần Văn Bé Ba;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 405/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 326/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Minh T1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 195/3 NHĐ, phường Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 1972;

Ông Trần Hữu T2, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Ấp HP, xã HT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

(Ông T1 có mặt, bà X và ông T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Đặng Minh T1 trình bày:**

Do quen biết nên ngày 15/2/2024 ông Trần Hữu T2 và bà Lê Thị X có hỏi vay ông số tiền 140.000.000 đồng để trả nợ gia đình. Vì chỗ quen biết ông T1 đồng ý cho vợ chồng ông bà vay. Thời gian vay là 90 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng 1,5%/tháng. Khi vay ông T2 và bà X có ký tên vào biên nhận nợ. Đồng thời ông bà còn đưa cho ông T1 giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CS21472 do Sở Tài

nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Trần Hữu T2 ngày 20/6/2018 để làm tin cho khoản vay. Đến thời hạn trả nợ ông có đòi nhiều lần nhưng ông T2, bà X cứ hứa hẹn và cố tình né tránh không trả nợ cho ông. Từ lúc vay đến nay ông T2, bà X chưa trả được khoản tiền nào.

Do đó, ông T1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang giải quyết: Buộc ông T2 và bà X có nghĩa vụ trả lại cho ông T1 số tiền đã vay là 140.000.000 đồng. Trước đây ông yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông T1 thay đổi yêu cầu về tính lãi như sau: yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 15/3/2024 đến ngày 30/7/2024, thành tiền $140.000.000 \times 0,83\% \times 4,5 \text{ tháng} = 5.229.000$ đồng. Tổng số tiền ông T2 và bà X có nghĩa vụ trả cho ông T1 là 145.229.000 đồng. Yêu cầu trả khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông tự nguyện trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CS21472 cho ông T2 và bà X khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Trần Hữu T2 và bà Lê Thị X mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do.

* *Tại phiên tòa:* Nguyên đơn ông T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T2 và bà X có nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay là 140.000.000 đồng và tiền lãi là 5.229.000 đồng, tổng cộng là 145.229.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Ông tự nguyện trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CS21472 cho ông T2 và bà X khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn ông Trần Hữu T2 và bà Lê Thị X vắng mặt không lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng với quy định của pháp luật, trừ bị đơn không thực hiện đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông T2 và bà X có nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15/3/2024 đến ngày 30/7/2024, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 26/2024/QĐ-BPKCTT ngày 11/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Đặng Minh T1 khởi kiện yêu cầu ông Trần Hữu T2 và bà Lê Thị X trả số tiền nợ vay nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp

đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông T2 và bà X cư trú tại ấp HP, xã HT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Trần Hữu T2 và bà Lê Thị X đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông T1 xin thay đổi mức lãi suất tính lãi. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do quen biết nên ngày 15/2/2024 ông Trần Hữu T2 và bà Lê Thị X có hỏi vay ông T1 số tiền 140.000.000 đồng để trả nợ gia đình. Thời gian vay là 90 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng 1,5%/tháng. Khi vay ông T2 và bà X có ký tên vào biên nhận nợ. Đồng thời ông bà còn đưa cho ông T1 giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CS21472 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Trần Hữu T2 ngày 20/6/2018 để làm tin cho khoản vay. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã giao nộp 01 Biên nhận ngày 15/02/2024 có chữ ký của ông T2 và bà X. Đồng thời tại phiên tòa, ông T1 cũng xuất trình được bản chính của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CS21472 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Trần Hữu T2 ngày 20/6/2018.

Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T2 và bà X nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 08/11/2024 Tòa án có nhận được tài liệu kèm theo tờ giấy tiêu đề “Đơn khiếu nại” do ông T2 gửi qua đường bưu điện, tài liệu và nội dung trình bày không rõ ràng và cũng không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với lời trình bày của ông T2.

Do đó, có căn cứ xác định ông T2 và bà X còn nợ ông T1 số tiền vay là 140.000.000 đồng nên cần buộc ông T2 và bà X có nghĩa vụ trả số tiền trên cho ông T1, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T1 yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15/3/2024 đến ngày 30/7/2024, thành tiền $140.000.000 \times 0,83\% \times 4,5 \text{ tháng} = 5.229.000$ đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy bị đơn đã vi phạm hợp đồng khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở. Lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, thời hạn tính lãi của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ông T1 đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CS21472 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Trần Hữu T2 ngày 20/6/2018. Ông T1 tự nguyện trả lại cho ông T2 và bà X khi án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 26/2024/QĐ-BPKCTT ngày 11/11/2024 về việc phong tỏa quyền sử dụng thửa đất số 460, tờ bản đồ số 13, diện tích 150,9m², đất trồng cây lâu năm tại ấp Hòa Phú, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CN969 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chợ Gạo cấp ngày 01/10/2024 cho ông Trần Hữu T2, căn cước công dân số 082070020906. Để đảm bảo cho quá trình thi hành án nên tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 26/2024/QĐ-BPKCTT ngày 11/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

[10] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 227, 228, 235 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh T1.

Buộc ông Trần Hữu T2 và bà Lê Thị X có trách nhiệm trả cho ông Đặng Minh T1 số tiền nợ vay là 140.000.000 đồng và tiền lãi là 5.229.000 đồng, tổng cộng là 145.229.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm hai mươi chín ngàn đồng*). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Minh T1 trả lại cho ông Trần Hữu T2 và bà Lê Thị X một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CS21472 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Trần Hữu T2 ngày 20/6/2018 khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 26/2024/QĐ-BPKCTT ngày 11/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Về án phí: Ông Trần Hữu T2 và bà Lê Thị X phải chịu 7.264.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Đặng Minh T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.789.000 đồng theo biên lai thu số 0007892 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thủy Uyên